TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 570/2025/DS-PT
Ngày: 28 - 10 - 2025
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 718/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1192/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Long V, sinh năm 1952 (có mặt);

Cư trú tại: Số E đường T, ấp G (cũ: số F ấp L), xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường H, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của ông V:

- Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm: 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, P, khu phố A, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh).

- Ông Trần Anh Tích L, sinh năm: 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số I, N, khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay

là phường T, tỉnh Tây Ninh).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Cư trú tại: Số E đường T, ấp G (cũ: số F ấp L), xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường H, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Võ Văn S, sinh năm: 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Số C, đường C, khu phố G, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Thanh B thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Long H2, chết năm 2019.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H2:

1.1. Bà Lê Thị G, sinh năm: 1951 (vắng mặt);

1.2. Ông Huỳnh Lê T, sinh năm: 1972 (vắng mặt);

1.3. Bà Huỳnh Ngọc C, sinh năm: 1976 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số B đường T, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh).

1.4. Bà Huỳnh Ngọc G1, sinh năm: 1981; địa chỉ: bang C, Hoa Kỳ (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Kim P1, sinh năm: 1955; Cư trú tại: 8503-ACACIA AVE, G, CA 92841, C, Hoa Kỳ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà P1: Ông Võ Văn S, sinh năm: 1971 (có mặt);

Địa chỉ: 3, đường C, khu phố G, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh).

3. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Tạm trú: Số D, hẻm A, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh);

Cư trú tại: C, Hoa Kỳ.

4. Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Cư trú tại: I, Hoa Kỳ

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà N1: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm: 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, P, khu phố A, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là

phường L, tỉnh Tây Ninh).

5. Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm: 1961 (vắng mặt);

Cư trú tại: A N, G, CA 92844, C, Hoa Kỳ.

6. Bà Huỳnh Thị N3, sinh năm: 1965 (vắng mặt);

Cư trú tại: 4554, D, R, CA 91770, C, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N2, bà N3: Ông Võ Văn S, sinh năm: 1971 (có mặt);

Địa chỉ: 3, đường C, khu phố G, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh).

7. Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm: 1967 (vắng mặt);

Cư trú tại: 4021, D ave, E, CA 91731, C, Hoa Kỳ.

8. Ông Lê Việt C1, sinh năm: 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E đường T, ấp G (cũ: số F ấp L), xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường H, tỉnh Tây Ninh).

9. Ông Lê Việt Khôi N4, sinh năm: 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E đường T, ấp G (cũ: số F ấp L), xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường H, tỉnh Tây Ninh).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Huỳnh Thị N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Huỳnh Văn K, Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị N2, Huỳnh Thị N3.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của ông Huỳnh Long Vân và lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn – ông Lê Thanh H3 trình bày:

Cha và mẹ ông V là: cụ Huỳnh Văn M (sinh năm 1917, chết ngày 25/5/2000 và cụ Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1925, chết ngày 17/02/2008). Cha mẹ ông V có tổng cộng 9 (chín) người con chung là:

1. Huỳnh Long H2 (sinh năm 1951, chết năm 2019), có vợ bà Lê Thị G, sinh năm: 1951 và các con Ông Huỳnh Lê T, sinh năm: 1972; Bà Huỳnh Ngọc C, sinh năm: 1976; Bà Huỳnh Ngọc G1, sinh năm: 1981.

2. Huỳnh Long V, sinh ngày 15/10/1952.

3. Huỳnh Kim P1, sinh năm 1955.

4. Huỳnh Văn K, sinh năm 1956.

5. Huỳnh Thị N1, sinh năm 1959

6. Huỳnh Thị N2, sinh năm 1961.

7. Huỳnh Thị N, sinh ngày 03/9/1963.

8. Huỳnh Thị N3, sinh năm: 1965.

9. Huỳnh Văn T1, sinh năm 1967.

Ngoài ra, cụ Huỳnh Văn M, cụ Nguyễn Thị T2 không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Trong thời gian sống chung với nhau cụ Huỳnh Văn M và cụ Nguyễn Thị T2 có tạo lập được nhiều phần đất. Khi 02 cụ còn sống, ông H2 và ông K ở riêng nên 02 cụ đã cho ông H2 và ông K mỗi người một phần đất, còn lại một số tài sản vẫn chưa được phân chia.

Số tài sản còn lại chưa chia thừa kế của cụ M và cụ T2 theo sơ đồ hiện trạng của Công ty TNHH Đ gồm:

+ Phần đất diện tích 6.142,8m^2, thuộc các thửa: 11, 148, 12, 143 tờ bản đồ số 25 (bản đồ số 2005); tọa lạc: ấp G, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh;

+ Phần đất diện tích 2.351m^2, thuộc các thửa 140, 138, tờ bản đồ số 27 (bản đồ 2005); số 1, 2,14,15, 16, 19, 20, 27, 28, tờ bản đồ số 31 (theo bản đồ số 2005); tọa lạc ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Ông V xác định 02 phần đất trên là di sản thừa kế của cụ M, cụ T2 chưa chia thừa kế nên ông V yêu cầu được hưởng 01 phần đất di sản thừa kế có diện tích ngang 25m × 53m = 1.325m^2, vị trí đất được chia là cặp hông căn nhà thờ thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 25 kéo dài qua hướng thửa số 12, tờ bản đồ số 25, trên đất có căn nhà kho, diện tích 96,4m^2. Căn nhà kho trên phần đất này là do ông V xây dựng năm 2003.

Đối với tài sản trên đất ông V yêu cầu được hưởng toàn bộ tài sản trên phần đất được chia vì các tài sản này là gồm tài sản do ông xây dựng và cha mẹ để lại trước khi chết.

Đối với căn nhà thờ trên phần đất thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 25, diện tích 381,2 m^2 là do ông V xây dựng và thiết kế. Tuy nhiên, ông V không yêu cầu chia đối với căn nhà thờ này và để thờ cúng cha mẹ, hiện nay do bà N quản lý, sử dụng. Còn tài sản khác trên các phần đất khác thì hiện nay do bà N đang quản lý và sử dụng.

Ông S đại diện bị đơn trình bày:

Cụ ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1917, mất năm 2000, và cụ bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1925, mất năm 2008.

Lúc sinh thời hai cụ có tổng cộng 09 người con gồm: Huỳnh Long V, sinh năm 1952; Huỳnh Long H2, sinh năm 1951; Huỳnh Kim P1, sinh năm 1953; Huỳnh Văn K, sinh năm 1956; Huỳnh Thị N1, sinh năm 1958; Huỳnh Thị N2, sinh năm 1962; Huỳnh Thị N, sinh năm 1963; Huỳnh Thị N3, sinh năm 1965 và Huỳnh Văn T1, sinh năm 1967.

Vào năm 1982, ông Huỳnh Long V và ông Huỳnh Văn T1 vượt biên sang Mỹ định cư. Thời điểm này thì cụ M và cụ T2 chung sống cùng các con tại Việt Nam.

Giai đoạn năm 1994 thì ông Huỳnh Long V về Việt Nam bảo lãnh cụ Huỳnh Văn M và cụ bà Nguyễn Thị T2 sang Mỹ định cư. Để bảo đảm đủ điều kiện để xuất cảnh định cư tại Mỹ nên cụ M và cụ T2 đã phân chia tài sản của hai cụ cho các con. Cụ thể:

1- Huỳnh Long H2: Được cụ M chia 01 phần đất diện tích 2.347m^2, thửa 95, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Phần đất này ông H2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào những năm 1993-1994. Năm 2001-2002 thì ông H2 cùng con gái Huỳnh Ngọc G1 định cư tại bang C, Hoa Kỳ nên ông H2 làm thủ tục để lại cho vợ là bà Lê Thị G đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nói trên. Bà G đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 002523, số vào sổ 01476/QSDĐ/309/QĐ-CT(HL) ngày 16/7/2004. Hiện nay gia đình bà G đang quản lý và sử dụng đối với phần đất này.

2- Ông Huỳnh Văn K: Được cụ M chia 01 phần đất diện tích khoảng 3.500m^2, sau khi đi định cư tại Mỹ thì phần đất này đã được giao cho con trai là Huỳnh Văn K1 quản lý, sử dụng.

3- Bà Huỳnh Kim P1: Bà Huỳnh Kim P1 được cụ M và cụ T2 cho 01 phần đất có diện tích 3.564m², gồm các thửa: 61: 695m²; 62: 335m²; 63: 350m²; 120: 299m²; 128: 1.295m²; 1006: 590m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00090/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà P1 ngày 22/6/1994. Do đi Mỹ định cư nên ngày 01/10/2001 bà P1 đã chuyển cho bà N một phần diện tích 1.295m², thửa 128, tờ bản đồ số 7; chuyển một phần diện tích 1.285m², thuộc thửa 61, thửa 1006, tờ bản đồ số 11 cho bà N. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà N được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 03021 ngày 23/5/2016 phần đất diện tích 1.383,7m² (giảm do mở rộng lộ giới Trần P), thửa 11, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp G, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh). Do đó, diện tích còn lại của bà Huỳnh Kim P1 theo giấy chứng nhận số 00090/QSDĐ là 984m². Bao gồm các thửa 62: 335m²; thửa 63: 350m²; thửa 120: 299m²;

4- Bà Huỳnh Thị N2: Bà N2 được cụ M và cụ T2 cho 01 phần đất có diện tích 6.538m², gồm các thửa: 54: 375m²; 55: 300m²; 56: 300m²; 57: 680m²; 121: 275m²; 123: 314m²; 124: 94m²; 127: 1.295m²; 125: 2.905m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00069/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà N2 ngày 22/6/1994. Do đi Mỹ định cư nên ngày 13/9/2001 bà N2 đã chuyển cho bà N một phần diện tích 4.883m², thửa 121; 123; 124; 125; 127, tờ bản đồ số 7 (Hợp đồng chuyển nhượng số 2804); chuyển một phần diện tích 1.055m², thuộc thửa 54; 57, tờ bản đồ số 11 (Hợp đồng chuyển nhượng số 2805) cho bà N. Do đó, diện tích còn lại của bà N2 theo giấy chứng nhận là 600m2. Bao gồm các thửa 55: 300m²; 56: 300m²;

Ngày 25/5/2005 hai bên làm thủ tục chuyển nhượng lại theo đó bà N2 chuyển cho bà P1 một phần diện tích 3.578,1m² (diện tích cũ là 4.883m², thửa 121; 123; 124; 125; 127, tờ bản đồ số 7; thửa mới 143, 148, tờ bản đồ 25, theo xác nhận số 1198/XN-UB ngày 23/5/2005 (Hợp đồng chuyển nhượng cũ số 2804 ngày 14/9/2001). Do đó diện tích của bà N2 còn lại là 1.655m^2 (thay thế Hợp đồng chuyển nhượng cũ số 2804)

Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà Huỳnh Thị N được Ủy ban nhân dân huyện H cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

+ H00256/06 ngày 23/5/2005 phần đất diện tích 2.412,1m², thửa số 143, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh).

+ H00255/06 ngày 23/5/2005 phần đất diện tích 1.166m², thửa số 148, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh).

Do đó diện tích còn lại của bà Huỳnh Thị N2 theo giấy chứng nhận số 00069/QSDĐ là 1.655m². Bao gồm các thửa: thửa 55: 300m²; 56: 300m²; 54: 375m²; 57: 680m², tờ bản đồ số 11.

5- Bà Huỳnh Thị N: Bà N được vợ chồng cụ M và cụ T2 cho 01 phần đất có diện tích 1.310m², thửa: 126, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02422/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà N ngày 08/11/1994.

6- Đối với hai căn nhà trên đất:

- Căn nhà thờ trên đất là của cụ ông Huỳnh Văn M cất, lúc đầu là nhà cấp 4, tô đá rửa, đến năm 2004, sau khi cụ M mất thì ông Huỳnh Văn T1 và bà Huỳnh Thị N đập bỏ nhà cũ xây dựng phần nhà trên như hiện nay, đối với căn nhà dưới thì do cụ bà Nguyễn Thị T2 xây dựng, sau đó bà N sửa sang và quản lý sử dụng từ lúc các anh chị em đi Mỹ từ năm 2001 cho đến nay.

- Căn nhà cấp 4 cất trên phần đất của bà Huỳnh Thị N2 xây dựng trên phần đất của mình vào năm 1993, căn nhà có diện tích 136,62m^2, theo giấy chứng nhận ngày 14/1/1993 do Sở X cấp cho vợ chồng bà Huỳnh Thị N2.

Đối với cụ Huỳnh Văn M, trong quá trình sinh sống bên Mỹ thì cụ M bị bệnh nên năm 1998 cụ M về nước và mất tại Việt Nam vào năm 2000, hiện tại cụ M được chôn cất trong đất do bà N đang quản lý.

Đối với cụ Nguyễn Thị T2, sau khi cụ M mất thì năm 2002 cụ T2 về Việt Nam sinh sống cho đến năm 2008 do bị bệnh nên cụ T2 đã mất tại nhà Việt Nam, hiện tại cụ T2 được chôn cất trong đất do bà N đang quản lý.

Người đại diện cho bà N không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Long V và yêu cầu của ông K và bà N1 về việc chia di sản thừa kế của cụ M và cụ T2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị G, Ông Huỳnh Lê T, Bà Huỳnh Ngọc C trình bày: Thống nhất về hàng thừa kế của cụ M và cụ T2

theo nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, cụ M và cụ T2 trước khi sang Mỹ đã chia tài sản cho ông Huỳnh Long H2, bà Huỳnh Kim P1, bà Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Văn K, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn T1, còn ông Huỳnh Long V được cụ M và cụ T2 cho nhưng không nhận. Vì vậy, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Long V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Ngọc G1: Theo bản tự khai của bà Lê Thị G (mẹ của Bà Huỳnh Ngọc G1) thể hiện bà G1 đã đi định cư tại Mỹ từ năm 2001 cùng ông Huỳnh Long H2 cho đến nay gia đình không liên lạc và không biết địa chỉ chính xác của Bà Huỳnh Ngọc G1 và chỉ biết sống tại bang C, Hoa Kỳ. Vì vậy, Tòa án không thể ủy thác tống đạt văn bản và lấy lời khai bà G1 được theo quy định của pháp luật.

Ông H3 đại diện cho ông K, bà N1 trình bày: Đồng ý với toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Long V. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ M, cụ T2 theo quy định của pháp luật. Yêu cầu Tòa án chia cho ông K, bà N1 mỗi người một kỷ phần di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông K, bà N1 yêu cầu nhận di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất nhưng giao cho ông Huỳnh Long V được quyền quản lý, sử dụng.

Ông S đại diện cho bà P1, bà N2, bà N3 trình bày: Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Long V, ông K, bà N1 về việc chia di sản thừa kế của cụ M và cụ T2 vì di sản của cụ M và cụ T2 đã được chia cho các anh em trước khi cụ M và cụ T2 đi Mỹ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Việt C1: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng ông C1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Lê Việt Khôi N4 trình bày: Ông hiện đang sinh sống trên căn nhà thờ cùng bà N thuộc thửa 143 tờ bản đồ số 25 (bản đồ số 2005); tọa lạc: ấp G, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì di sản của cụ M và cụ T2 đã được phân chia trước khi 02 cụ mất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Long V về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn M và cụ Nguyễn Thị T2 chết để lại.

1.1. Ông Huỳnh Long V được quyền sử dụng 01 phần đất diện tích 1.338,9m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00256/06 ngày 23/5/2005, thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 25, toạ lạc ấp L, xã L, huyện H tỉnh Tây Ninh (nay ấp G, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh) do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thị xã H) và toàn bộ tài sản trên phần đất được chia, có tứ cận như sau:

+ H: giáp đường T dài 25.02m (gồm các đoạn 15,24m + 2,72m + 5,54m + 1,61m).

+ Hướng T3: giáp thửa 10 dài 25m.

+ Hướng N5: giáp thửa 143 dài 53,82m.

+ Hướng B1: giáp thửa 14 dài 53,06m.

Có sơ đồ kèm theo

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với quyết định của bản án này.

1.2. Ông Huỳnh Long V được quyền sử dụng các tài sản trên đất bao gồm:

- 1 căn nhà kho phía trước (g2): Kết cấu: Nền xi măng, vách xây tô + vách tole, khung sắt tiền chế, mái tole, xây dựng 1994, diện tích 96,4m^2.

- 1 căn nhà kho phía sau (g6): Kết cấu: Móng gạch, cột gạch, nền gạch men, tường xây tô sơn bê, cửa sắt kính, trần tấm thả, mái tole, xây dựng 1994, sửa chữa 2023, diện tích 33,6m^2;

- Hàng rào khung sắt + cổng rào phía trước: Kết cấu: Móng xây tô, trụ bên ngoài xây tô, bên trong đổ bê tông cốt thép, rào khung sắt, cổng khung sắt cao 2,5m, ngang 25m;

- Hàng rào lưới B40 hướng Tây và N5: Kết cấu: Móng xây tô, trụ bê tông đúc sẵn, rào lưới B40, cao 2m, ngang 25m.

+ Chân bồn nước bê tông cốt thép, khối lượng 1,17m^3;

+ 1 bồn nước inox 2000 lít, loại bồn ngang;

+ 2 giếng khoan dân dụng sâu khoảng 20m;

+ 1 cây mai nhật đường kính gốc 30cm;

+ 1 cây móng bò đường kính gốc 30cm;

+ 9 cây cao kiểng đường kính gốc 60cm;

+ 1 cây khế 15 năm tuổi;

+ 4 cây măng cụt 8 năm tuổi;

+ 3 cây mai vàng đường kính gốc 10cm;

+ 1 cây ổi khoảng 5 năm tuổi;

+ 4 gốc bông giấy đường kính gốc 10cm;

+ 1 cây mận khoảng 3 năm tuổi;

+ 1 cây me khoảng 15 năm tuổi;

+ 1 cây sầu riêng khoảng 20 năm tuổi;

+ 1 cây vú sữa khoảng 30 năm;

+ 1 cây sung đường kính gốc 60cm;

+ 1 cây phượng đường kính gốc 60cm;

+ 2 cây xoài khoảng 20 năm;

+ 1 cây mít khoảng 20 năm;

+ 1 cây bàng đường kính gốc 20cm;

+ 1 cây nguyệt quế đường kính 10cm;

2. Buộc ông Huỳnh Long V có nghĩa vụ thành toán lại cho bà Huỳnh Thị N số tiền 119.449.116 (một trăm mười chín triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn một trăm mười sáu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 27/3/2025, bị đơn – bà Huỳnh Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

- **Ngày 27/3/2025**, ông Võ Văn S là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị N3 – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

- **Ngày 27/3/2025**, ông Võ Văn S là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị N2 – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Bà N, bà N3, bà N2 cùng kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại đơn kháng cáo, bà N, bà N3, bà N2 cùng trình bày lý do kháng cáo: Cha mẹ bà N, bà N3, bà N2 là cụ ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1917, mất năm 2000, và cụ bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1925, mất năm 2008. Lúc sinh thời hai cụ có tổng cộng 09 người con gồm: Huỳnh Long V, sinh năm 1952; Huỳnh Long H2, sinh năm 1951; Huỳnh Kim P1, sinh năm 1955; Huỳnh Văn K, sinh năm 1956; Huỳnh Thị N1, sinh năm 1959; Huỳnh Thị N2, sinh năm 1961; Huỳnh Thị N, sinh năm 1963; Huỳnh Thị N3, sinh năm 1965 và Huỳnh Văn T1, sinh năm 1967. Vào năm 1982, ông Huỳnh Long V và ông Huỳnh Văn T1 vượt biên sang Mỹ định cư. Thời điểm nay thì cụ M và cụ T2 chung sống cùng các con tại Việt Nam. Giai đoạn năm 1990 thì ông Huỳnh Long V về Việt nam bảo lãnh cụ Huỳnh Văn M và cụ bà Nguyễn Thị T2 sang Mỹ định cư. Đến năm 1992 thì cụ M, cụ T2 cùng bà Huỳnh Thị N1 được ông Huỳnh Long V bảo lãnh sang Mỹ định cư. Để bảo đảm đủ điều kiện để xuất cảnh định cư tại Mỹ nên cụ M và cụ T2 đã phân chia tài sản của hai cụ cho các con. Cụ thể:

1- Ông Huỳnh Long H2: Được cụ M chia 01 phần đất diện tích 2.347m^2, thửa 95, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Phần đất này ông H2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào những năm

1993-1994. Đến năm 2001-2002 thì ông H2 cùng con gái là Huỳnh Ngọc G1 định cư tại bang C, Hoa Kỳ do đó ông H2 làm thủ tục để lại cho vợ là bà Lê Thị G đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sửdụng đất đối với phần đất nói trên. Bà G đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 002523, số vào số 01476/QSDD/309/QĐ-CT(HL) ngày 16/7/2004. Hiện nay gia đình bà G đang quản lý và sử dụng đối với phần đất này.

2 - Ông Huỳnh Văn K: Được cụ M chia 01 phần đất diện tích khoảng 3.500m^2, sau khi đi định cư tại Mỹ thì phần đất này đã được giao cho con trai là Huỳnh Văn K1 quản lý sử dụng.

3- Bà Huỳnh Kim P1: Bà Huỳnh Kim P1 được vợ chồng cụ Huỳnh Văn M (sinh năm 1917, mất 2000) và cụ bà Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1925, mất 2008) cho 01 phần đất có diện tích 3.564m^2 gồm thửa 61: 695m^2; thửa 62: 335m^2; thửa 63: 350m^2; thửa 120: 299m^2; thửa 128: 1.295m^2; thửa 1006: 590m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00090/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà P1 ngày 22/6/1994. Do đi Mỹ định cư nên ngày 01/10/2001 bà P1 đã chuyển cho bà N một phần diện tích 1.295m^2 thửa 128, tờ bản đồ số 7; chuyển một phần diện tích 1.285m^2 thuộc thửa 61, thửa 1006, tờ bản đồ số 11 cho bà N. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà N được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 03021 ngày 23/5/2016 phần đất diện tích 1.383,7m^2(giảm do mở rộng lộ giới Trần P), thửa 11, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp G, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh). Do đó diện tích còn lại của bà Huỳnh Kim P1 theo giấy chứng nhận số 00090/QSDĐ là 984m^2 bao gồm các thửa 62: 335m^2 thửa 63: 350m^2; thửa 120: 299m^2;

4- Bà Huỳnh Thị N2: Bà N, bà N3, bà N2 được vợ chồng cụ Huỳnh Văn M (sinh năm 1917, mất 2000) và cụ bà Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1925, mất 2008) cho 01 phần đất có diện tích 6.538m^2 gồm các thửa: 54: 375m^2; thửa 55: 300m^2; thửa 56: 300m^2; thửa 57: 680m^2; thửa 121: 275m^2; thửa 123: 314m^2; thửa 124: 94m^2; thửa 127: 1.295m^2; thửa 125: 2.905m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00069/QSDD do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà N, bà N3, bà N2 ngày 22/6/1994. Do đi Mỹ định cư nên ngày 13/9/2001 bà N, bà N3, bà N2 đã chuyển cho bà N một phần diện tích 4.883m^2, thửa 121; 123; 124; 125; 127, tờ bản đồ số 7 (Hợp đồng chuyển nhượng số 2804); chuyển một phần diện tích 1.055m^2 thuộc thửa 54; 57, tờ bản đồ số 11 (Hợp đồng chuyển nhượng số 2805) cho bà N. Do đó diện tích còn lại của bà P1 theo giấy chứng nhận là 600m^2 bao gồm các thửa 55: 300m^2, thửa 56: 300m^2; Đến ngày 25/5/2005 hai bên làm thủ tục chuyển nhượng lại theo đó bà N, bà N3, bà N2 chuyển cho bà P1 một phần diện tích 3.578,1m^2 (diện tích cũ là 4.883m^2, thửa 121; 123; 124; 125; 127, tờ bản đồ số 7; thửa mới 143, 148, tờ bản đồ 25, theo xác nhận số 1198/XN-UB ngày 23/5/2005 (Hợp đồng chuyển nhượng cũ số 2804 ngày 14/9/2001). Do đó diện tích của bà N, bà N3, bà N2 còn lại là 1.655m^2 (thay thế Hợp đồng chuyển nhượng cũ số 2804). Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà Huỳnh Thị N được Ủy ban nhân dân huyện H cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00256/06 ngày 23/5/2005 phần đất diện tích 2.412,1m^2, thửa 143, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh); H00255/06 ngày 23/5/2005 phần đất diện tích 1.166m^2, thửa 148, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp L,

xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh). Do đó diện tích còn lại của bà Huỳnh Thị N2 theo giấy chứng nhận số 00069/QSDĐ là 1.655m². Bao gồm thửa 55: 300m²; thửa 56: 300m²; thửa 54: 375m²; thửa 57: 680m², tờ bản đồ số 11

5- Bà Huỳnh Thị N: Bà N được vợ chồng cụ M, cụ T2 cho 01 phần đất có diện tích 1.310m², thửa: 126, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02422/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà N ngày 08/11/1994.

6- Đối với hai căn nhà trên đất: Căn nhà thờ trên đất là của cụ ông Huỳnh Văn M cất, lúc đầu là nhà cấp 4, tô đá rửa, đến năm 2004, sau khi cụ M mất thì ông Huỳnh Văn T1 và bà Huỳnh Thị N đập bỏ nhà cũ xây dựng phần nhà trên như hiện nay, đối với căn nhà dưới thì do cụ bà Nguyễn Thị T2 xây dựng, sau đó bà N sửa sang và quản lý sử dụng từ lúc các anh chị em đi Mỹ từ năm 2001 cho đến nay; Căn nhà cấp 4 cất trên phần đất của bà Huỳnh Thị N2 xây dựng trên phần đất của mình vào năm 1993, căn nhà có diện tích 136,62m², theo giấy chứng nhận ngày 14/1/1993 do Sở X cấp cho vợ chồng bả Huỳnh Thị N2.

Đối với phần đất của bà N, bà N3, bà N2 được cha mẹ cho một phần có diện tích 6.538m², gồm thửa: 54: 375m²; thửa 55: 300m²; thửa 56: 300m²; thửa 57: 680m²; thửa 121: 275m²; thửa 123: 314m²; thửa 124: 94m²; thửa 127: 1.295m²; thửa 125: 2.905m² theo giấy chứng nhận quyền sửdụng đất số 00069/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà N, bà N3, bà N2 ngày 22/6/1994. Do đi Mỹ định cư nên ngày 13/9/2001, bà N, bà N3, bà N2 đã chuyển cho bà N một phần diện tích 4.883m², thửa 121; 123; 124; 125; 127, tờ bản đồ số 7 (Hợp đồng chuyển nhượng số 2804); chuyển một phần diện tích 1.055m², thuộc thửa 54; 57, tờ bản đồ số 11(Hợp đồng chuyển nhượng số 2805) cho bà N. Do đó diện tích còn lại của bà N, bà N3, bà N2 theo giấy chứng nhận là 600m^2, bao gồm các thửa 55: 300m²; thửa 56: 300m²; Đến ngày 25/5/2005 hai bên làm thủ tục chuyển nhượng lại theo đó bà N, bà N3, bà N2 chuyển cho bà N một phần diện tích 3.578,1m² (diện tích cũ là 4.883m², thửa 121; 123; 124; 125; 127, tờ bản đồ số 7; thửa mới 143, 148, tờ bản đồ 25, theo xác nhận số 1198/XN-UB ngày 23/5/2005 (Hợp đồng chuyển nhượng cũ số 2804 ngày 14/9/2001). Do đó diện tích của bà N, bà N3, bà N2 chỉ còn lại là 1.655m^2 (thay thế Hợp đồng chuyển nhượng cũ số 2804). Trong phần đất mà cha mẹ bà N, bà N3, bà N2 cho diện tích ban đầu là 6.538m². Thực tế thì phần này của 03 người gồm Huỳnh Văn T1, Huỳnh Thị N3 và bà N, bà N3, bà N2. Theo đó thì Huỳnh Văn T1 là phần bên nhà thờ có chiều ngang khoảng gần 40 mét, kế đến là của Huỳnh Thị N3 khoảng 25 mét. Do đó bản án tuyên cho ông V quyền sở hữu 25 mét mặt tiền đường T là lấy một phần của Huỳnh Văn T1 và một phần của bà Huỳnh Thị N3. Do đó tại thời điểm 1990-1992 khi cụ M, cụ T2 phân chia tài sản cho các con thì ông Huỳnh Long V và ông Huỳnh Văn T1 đang định cư tại Mỹ do đó không đủ điều kiện để đứng tên và quản lý tài sản là nhà đất tại Việt Nam. Khi cụ M và cụ T2 xuất cảnh định cư tại Mỹ thì hai cụ không còn bất kỳ một tài sản nào ở Việt Nam tại thời điểm năm 1992. Đối với cụ Huỳnh Văn M, trong quá trình sinh sống bên Mỹ thì cụ M bị bệnh nên năm 1998 cụ M về nước và mất tại Việt nam vào năm 2000, hiện tại cụ M được chôn cất trong đất do bà N đang quản lý. Đối với cụ Nguyễn Thị T2, sau khi cụ M mất thì năm 2002 cụ T2

về Việt Nam sinh sống cho đến năm 2008 do bị bệnh nên cụ T2 đã mất tại nhà ở Việt Nam, hiện tại cụ T2 được chôn cất trong đất do bà N đang quản lý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Long V cho rằng chính ông V là người xây dựng nhà thờ, hàng rào là hoàn toàn không đúng với sự thật, không có bất kỳ một tài liệu nào chứng minh cho lời trình bày của ông V mà toàn bộ dạo bà Huỳnh Thị N ở Việt nam xây dựng. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ tranh chấp di sản thừa kế nhưng lại tuyên cho ông V được quyền sở hữu phần đất mà chính ông V yêu cầu tại Tòa án (ngang 25x53m) mà không đề cập gì đến các đồng thừa kế khác. Việc tuyên án nói trên bản chất giống như một vụ tranh chấp đòi lại tài sản hơn là chia di sản thừa kế. Mặc dù bà Huỳnh Thị N là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế thì bà N cũng chỉ được cha mẹ (Cụ T2, cụ M) chia cho có 1.310m^2, thửa 148, bây giờ là thửa 12, tờ bản đồ 25. Các phần còn lại thì bà N chỉ đứng tên cho các anh chị em bao gồm Huỳnh Văn T1, Huỳnh Thị N3, Huỳnh Thị N2 và Huỳnh Kim P1.

- **Ngày 27/3/2025**, ông Nguyễn Thanh H1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn K có đơn kháng cáo một phần nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế của cụ M, cụ T2 cho ông K được hưởng một kỷ phần theo quy định của pháp luật. Tại đơn kháng cáo ông Nguyễn Thanh H1 trình bày lý do kháng cáo: Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh là chưa thỏa đáng, không phù hợp các quy định của pháp luật về thừa kế; gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân vi phạm quyền bình đẳng về thừa kế của cá nhân. Tài sản là quyền sử dụng đất có tranh chấp được Tòa án xác định là di sản thừa kế của cha mẹ ông K là ông M và bà T2 để lại. Bà N, bà Huỳnh Thi Kim P1, bà N2 chỉ là người thay mặt cha mẹ là ông M và bà T2 để kê khai, đăng ký xin cập Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong lúc cha mẹ không có mặt ở địa phương, tuy nhiên sau khi bà N- bà P1, bà N2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Quyền sử dụng đất này vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng trực tiếp của cụ M, cụ T2. Bà N, bà P1, bà N2 không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc tặng cho quyền sử dụng đất. Về quyền sử dụng phần đất diện tích 3.500m^2 là tài sản của riêng ông K, do cha mẹ là ông M và bà T2 tặng cho riêng ở Khinh khi còn sống, ông K được cha mẹ tặng cho từ năm 1973, đã là tài sản riêng của vợ chồng ông K, không phải là di sản của cha mẹ, các đồng thừa kế của cụ M, cụ Trầm T4 đều thừa nhận là tài sản riêng của ông K và không ai tranh chấp. Bản thân ông K là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, theo quy định của pháp luật phải được phân chia di sản của cụ M, cụ T2 để lại.

- **Ngày 27/3/2025**, ông Nguyễn Thanh H1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị N1 có đơn kháng cáo một phần nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế của cụ M, cụ T2 cho bà N1 được hưởng một kỷ phần theo quy định của pháp luật. Tại đơn kháng cáo ông Nguyễn Thanh H1 trình bày lý do kháng cáo: Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh là chưa thỏa đáng, không phù hợp các quy định của pháp luật về thừa kế; trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành thu thập, đánh giá chứng cứ một cách khách quan,

toàn diện. Căn cứ và lập luận trong bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh chỉ căn cứ vào lời khai chưa được kiểm chứng của bị đơn, gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân vi phạm quyền bình đẳng về thừa kế của cá nhân. Tài sản là quyền sử dụng đất có tranh chấp được xác định là di sản thừa kế của cha mẹ để lại, bà N, bà P1, bà N2 chỉ là người thay mặt cha mẹ là ông M và bà T2 để kê khai, đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong lúc cha mẹ không có mặt ở địa phương. Tuy nhiên sau khi bà N3, bà P1, bà N2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Quyền sử dụng đất này vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng trực tiếp của cụ M, cụ T2, đồng thời để trả công việc coi sóc đất của cha mẹ, bà N hàng năm vẫn nhận tiền thù lao của các anh chị em từ nước ngoài gửi về cho bà N3. Bản thân bà N1 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bà N1 chưa từng được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất lần nào, chưa nhận phần di sản nào từ tài sản của cha mẹ để lại; ngoài lời khai của phía bị đơn, Tòa án cũng không thu thập được chứng nào chứng minh rằng bà N1 đã được cha mẹ chia phần tài sản lúc cha mẹ còn sống.

- **Ngày 28/3/2025**, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS kháng nghị đối với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Quyết định kháng nghị có nội dung: Bản án sơ thẩm xác định tổng diện tích tranh chấp 8.493,8m², gồm: diện tích 6.142,8 m², thuộc các thửa 11, 148, 12, 143, tờ bản đồ số 25 tọa lạc xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh và diện tích 2.351m², thuộc các thửa số 1, 2, 14, 15, 16, 19, 20, 27, 28, tờ bản đồ số 31 tọa lạc xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, hiện đất do bà Huỳnh Thị N (bị đơn), bà Huỳnh Thị P2, Huỳnh Thị N2 đứng tên giấy đất là di sản thừa kế của cụ M và cụ T2 chết để lại và chia thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm chỉ chia thừa kể đối với diện tích 1.338,9m² (trong tổng diện tích 8.493,8m²) và chia cho một mình ông Huỳnh Long V (nguyên đơn) được hưởng thừa kế diện tích 1.338,9m² đất này là không đúng quy định pháp luật thừa kế trong việc xác định di sản, xác định người được hưởng di sản và phân chia di sản, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế khác. Bởi lẽ:

Thứ nhất: Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án, trong diện tích 8.493,8m² ông Huỳnh Long V (nguyên đơn) tranh chấp yêu cầu chia thừa kế thì ngoài bà Huỳnh Thị N3 (bị đơn) đứng tên giấy đất còn có một phần diện tích đất tranh chấp do bà Huỳnh Kim P1 và bà Huỳnh Thị N2 đứng tên giấy đất nhưng bản án sơ thẩm chỉ xác định một mình bà Huỳnh Thị N3 tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là không đúng quy định Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ hai, về xác định di sản, năm 1992 ông Huỳnh Long V bảo lãnh cụ M và cụ T2 sang Hoa Kỳ định cư, các phần đất của cụ M và cụ T2 ở Việt Nam đã được bà Huỳnh Thị N3, bà Huỳnh Kim P1, Huỳnh Thị N2 đăng ký kê khai và được cấp giây đất năm 1994, cụ thể: bà N3 được cấp diện tích 1.310m²; bà P1 được cấp giấy diện tích 3.564m², bà P1 chuyển nhượng cho bà N diện tích 2.580m², bà P1 còn lại 984m²; bà N2 được cấp giấy diện tích 6.538m², bà N2 chuyển nhượng cho bà N diện tích 2,412,1m² và diện tích 1.166m², bà N2 còn lại 1.655m².

Như vậy, cụ M, cụ T2 sang Hoa Kỳ định cư chỉ 02 năm (1992-1994), đến năm 1994 cụ M, cụ T2 về lại Việt Nam sinh sống và ở cùng nhà bà N trên phần đất tranh chấp đến năm 2000 thì cụ M mất và đến năm 2008 cụ T2 mất nhưng cả cụ M và cụ T2 vẫn không ai có ý kiến hay tranh chấp gi về việc bà N, bà P1, bà N2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà N trình bày trước khi sang Hoa Kỳ định cư cụ M và cụ T2 đã phân chia hết đất cho các con là phù hợp với nhận định của bản án sơ thẩm "Thời điểm này, pháp luật Việt Nam quy định khi xuất cảnh đi nước ngoài thì người xuất cảnh phải không có tài sản hay nợ tài chính tại Việt Nam...", những người được cụ M, cụ T2 tặng cho đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý, sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp nên có cơ sở xác định đất tranh chấp không còn là di sản của cụ M và cụ T2.

Thứ ba: Theo đơn khởi kiện ông Huỳnh Long V yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ M và cụ T2 đối với phần đất diện tích 13.250m² (đo đạc thực tế diện tích 8.493,8m²) cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ M, cụ T2 theo pháp luật. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm chỉ chia thừa kế đối với diện tích 1.338,9m² là giải quyết không hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự.

Thứ tư: Về xác định người hưởng thừa kế. Cụ M chết năm 2000 và cụ T2 chết năm 2008, khi chết cụ M và cụ T2 không để lại di chúc nên di sản của hai cụ được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Huỳnh Long H2 (ông H2 chết năm 2019 nên được chia cho những người thừa kế của ông H2), Huỳnh Long V, Huỳnh Kim P1, Huỳnh Văn K, Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị N2, Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị N3 và ông Huỳnh Văn T1, tổng cộng 09 kỷ phần. Nhưng bản án sơ thẩm chỉ chia cho một mình ông Huỳnh Long V được hưởng di sản của cụ M và cụ T2 là không đúng quy định khoản 2, Điều 651 Bộ luật dân sự "2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau".

Thứ năm: Về phân chia di sản, ông V yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ M và cụ T2 là phần đất diện tích 8.493,8m², trường hợp chia thừa kế theo pháp luật làm 09 kỳ phần thì mỗi kỳ phần sẽ có diện tích đất bao nhiêu, phần được chia có vượt quá kỷ phần theo quy định hay không... nhưng lại chia cho ông Huỳnh Long V được hưởng phần đất diện tích 1.338,9m² (ngang 25m x dài 53m) theo như yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Long V là không đúng quy định Điều 660 Bộ luật dân sự về phân chia di sản.

Thứ sáu: Về việc thi hành án, trong tổng diện tích 8.493,8m² ông Huỳnh Long V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế có diện tích đất do bà N, bà P1 và bà N2 đứng tên giấy đất nhưng bản án sơ thẩm chưa làm rõ, trong tổng diện tích ông V yêu cầu chia thừa kế thì bà N đứng tên diện tích bao nhiêu, bà P1 đứng tên diện tích bao nhiêu, bà N2 đứng tên diện tích bao nhiêu. Bản án sơ thẩm chia ông Huỳnh Long V được hưởng diện tích 1.338,9m² (ngang 25m x dài 53m) nhưng lại không xác định rõ trong phần diện tích ông V được chia hiện ai đang là người đứng tên giấy đất, ai là người được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giấy đất mà tuyên "các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giấy đất..." là không rõ ràng và không thể thi hành án

được.

Thứ bảy: Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/3/2024 ông V yêu cầu hủy 05 (năm) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà N3 và bà P1, bà N2. Tại phiên tòa sơ thẩm ông V rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy 05 (năm) giấy đất nhưng bản án sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của ông V là chưa đúng quy định Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo – bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị N3, bà Huỳnh Thị N2 có người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Không cung cấp chứng cứ, tình tiết mới, giữ nguyên tất cả lời trình bày từ trước đến nay như ở giai đoạn sơ thẩm và trong nội dung đơn kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người kháng cáo – ông Huỳnh Văn K, bà Huỳnh Thị N1 có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Không cung cấp chứng cứ, tình tiết mới, giữ nguyên tất cả lời trình bày từ trước đến nay như ở giai đoạn sơ thẩm và trong nội dung đơn kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế đối với di sản do cụ T2, cụ M để lại cho ông K, bà N1 được hưởng mỗi người một suất thừa kế.

Nguyên đơn – ông Huỳnh Long V có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Không cung cấp chứng cứ, tình tiết mới, giữ nguyên tất cả lời trình bày từ trước đến nay như ở giai đoạn sơ thẩm. Phía người kháng cáo không đưa ra được chứng cứ, tình tiết mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người có kháng cáo và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là đúng thẩm quyền và còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị N3, bà Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Văn K, bà Huỳnh Thị N1 làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định kháng nghị

của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị N3, bà Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Văn K, bà Huỳnh Thị N1, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là đúng thẩm quyền và còn trong thời hạn luật định là hợp lệ. Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị N3, bà Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Văn K, bà Huỳnh Thị N1 làm trong hạn luật định, thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật là hợp lệ nên đủ điều kiện để thụ lý, xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các đương sự có đơn xin vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị N3, bà Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Văn K, bà Huỳnh Thị N1 và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

[3.1] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất cụ ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1917, mất năm 2000, và cụ bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1925, mất năm 2008. Hai cụ có tổng cộng 09 người con gồm: Huỳnh Long V, sinh năm 1952; Huỳnh Long H2, sinh năm 1951; Huỳnh Kim P1, sinh năm 1953; Huỳnh Văn K, sinh năm 1956; Huỳnh Thị N1, sinh năm 1958; Huỳnh Thị N2, sinh năm 1962; Huỳnh Thị N, sinh năm 1963; Huỳnh Thị N3, sinh năm 1965 và Huỳnh Văn T1, sinh năm 1967, hai cụ không có con riêng nào khác. Ngoài ra, cụ M và cụ T2 chết không để lại di chúc.

[3.2] Về tài sản tranh chấp:

Trước khi sang Mỹ định cư cụ M và cụ T2 có tặng cho ông Huỳnh Long H2 diện tích 2.347m^2 và tặng cho ông Huỳnh Văn K diện tích 3.500m^2 đất tọa lạc xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Hiện ông H2 và ông K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định đến nay. Các đương sự không tranh chấp đối với diện tích đất ông H2, ông K được tặng cho nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với những phần đất còn lại của cụ M và cụ T2 gồm:

- Phần đất diện tích 6.142,8m^2, thuộc các thửa: 11, 148, 12, 143 tờ bản đồ số 25 (bản đồ số 2005); tọa lạ: ấp G, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh;

- Phần đất diện tích 2.351m^2, thuộc các thửa 140, 138, tờ bản đồ số 27 (bản đồ 2005); số 1, 2,14,15, 16, 19, 20, 27, 28, tờ bản đồ số 31 (theo bản đồ số 2005); tọa lạc ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả các tài sản trên các phần đất (loại trừ căn nhà cấp 4 tại thửa 148, tờ bản đồ số 25 do Ông Huỳnh Lê T đang quản lý sử dụng) thì do bà N đang quản lý, sử dụng.

[3.3] Năm 1982 ông V và ông T1 vượt biên sang định cư tại Hoa Kỳ (Mỹ). Cụ M, cụ T2 cùng các anh, em của ông V ở lại Việt Nam. Năm 1987 – 1988 ông V về Việt Nam làm thủ tục bảo lãnh cho cụ M, cụ T2 cùng các anh em ông sang định cư tại Mỹ. Năm 1992, ông V đưa cụ M, Cụ T5, bà N3 (bà N3 theo chăm sóc 02 cụ) đi Mỹ, còn bà N2, bà P1 ở lại Việt Nam. Thời điểm này, pháp luật Việt Nam quy định khi xuất cảnh đi nước ngoài thì người xuất cảnh phải không có tài sản hay nợ tài chính tại Việt Nam.

Năm 1993 – 1994 Nhà nước Việt Nam có chủ trương đề nghị người dân có đất phải đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông K và ông H2 được cha mẹ cho 02 phần đất sau khi lập gia đình nên đã tiến hành kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số đất còn lại của cụ M và cụ T5 (lúc này cụ M và cụ T5 đang ở Mỹ) thì bà N, bà N2 và bà P1 đã tiến hành kê khai lần đầu và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2000 – 2001, ông V tiếp tục bảo lãnh ông K, ông H2, bà P1, bà N2 sang định cự tại Hoa Kỳ (Mỹ). Phần đất của ông K giao lại cho con là anh K1 quản lý, sử dụng; phần đất của ông H2 giao lại cho bà G (là vợ) cùng các con quản lý, sử dụng. Trước khi sang Mỹ định cư thì bà N2 và bà P1 có chuyển nhượng đất cho bà N đứng tên, cụ thể bà N2 đã chuyển nhượng cho bà N diện tích 2.412,1m^2 đất thửa 143 và diện tích 1.166m^2 thửa 148 nên bà N2 còn lại diện tích 1.655m^2; bà P1 chuyển nhượng cho bà N diện tích 2.580m^2. Bà P1 còn lại diện tích 984m^2. Từ đó có căn cứ xác định đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ M và cụ T5.

[3.4] Người đại diện theo uỷ quyền của các bà P1, bà N và bà N2 cho rằng phần trên các bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cụ M và cụ T5 tặng cho và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên tài sản thừa kế đã không còn, là không có căn cứ chấp nhận vì bị đơn cho rằng ông V được cụ M, cụ T5 cho phần đất nhưng không nhận nên cụ M, cụ T5 đã tặng cho ông R là cựu chiến binh, nhưng qua xác minh con ông R (ông R chết) thì không có việc này và xác định phần đất ông R được cấp là do Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, thời gian này ông V đang có Quốc tịch Mỹ nên không được đứng tên tài sản là nhà đất tại Việt Nam. Đến năm 2001 ông V mới

nhập cảnh về Việt Nam, nhập quốc tịch Việt Nam, nhập hộ khẩu vào nhà đất ông đang tranh chấp và yêu cầu chia di sản thừa kế. Ngoài ra, cụ M và cụ T5 chết không để lại di chúc (các đương sự đều xác nhận). Bị đơn cho rằng, các cụ đã có sự phân chia tài sản trước khi đi nước ngoài nhưng không đưa ra căn cứ chứng minh cho lời trình bày. Thời điểm bà N, bà N2, bà P1 đi kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vào năm 1994 (khi này các cụ đang ở nước ngoài và không có văn bản, chứng cứ xác định 02 cụ có sự định đoạt di sản thừa kế tại Việt Nam). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Long V về việc chia di sản thừa kế của cụ M và cụ T5 chết để lại là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.5] Ông K và bà N1 có yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế của cụ M và cụ T5. Tuy nhiên, ông K theo hồ sơ thể hiện ông đã được cha mẹ tặng cho 01 phần đất diện tích 3.500m^2 đất tọa lạc xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Đối với bà N1 thì được các anh chị em xác định đã được cha, mẹ cho vàng bán đất bên sông B có giá trị tương đương với phần thừa kế được hưởng. Do đó, ông K, bà N1 kháng cáo yêu cầu được chia thừa kế là không có cơ sở chấp nhận.

[3.6] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V về việc yêu cầu được hưởng 01 phần đất di sản thừa kế có diện tích ngang 25m × 53m = 1.325m^2, vị trí đất được chia là cặp hông căn nhà thờ thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 25 kéo dài qua hướng thửa số 12, tờ bản đồ số 25, trên đất có căn nhà kho, diện tích 96,4m^2 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đều xác định căn nhà kho phía trước là do ông V xây dựng để chứa vật liệu và chứa đồ đạc khi ông V còn ở trên đất, ông V đồng ý thanh toán lại toàn bộ các tài sản trên phần đất được hưởng cho bà N (là người đang quản lý và sử dụng); ông V có quyền quản lý, sử dụng đất và các tài sản trên phần đất được hưởng là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông V có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị tài sản trên phần đất được hưởng cho bà N là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.7] Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông V được nhận hiện vật phần đất diện tích 1.338,9m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00256/06 ngày 23/5/2005, thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 25, toạ lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp G), xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận: H: giáp đường T dài 25.02m (gồm các đoạn 15,24m + 2,72m + 5,54m + 1,61m); Hướng Tây: giáp thửa 10 dài 25m; Hướng Nam: giáp thửa 143 dài 53,82m; Hướng Bắc: giáp thửa 14 dài 53,06m là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.8] Bà N, bà N3, bà N2, ông K, bà N1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nhưng trong quá trình giải quyết theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà N, bà N3, bà N2, ông K,

bà N1 không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà N, bà N3, bà N2, ông K, bà N1;

[4] Nhận định trên đây cũng là lập luận để không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bà N, bà N3, bà N2, ông K, bà N1 không được chấp nhận nên bà N, bà N3, bà N2, ông K, bà N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà N, bà N3, bà N2, ông K, bà N1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí theo đúng quy định pháp luật nên bà N, bà N3, bà N2, ông K, bà N1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân do Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ban hành ngày 27/6/2025;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị N3, bà Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Văn K, bà Huỳnh Thị N1; Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 28/3/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Áp dụng các Điều 609; 610; 611; 612; 613 và Điều 623 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Long V về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn M và cụ Nguyễn Thị T2 chết để lại.

1.1. Ông Huỳnh Long V được quyền sử dụng 01 phần đất diện tích 1.338,9m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00256/06 ngày 23/5/2005, thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 25, toạ lạc ấp L, xã L, huyện H tỉnh Tây

Ninh (nay ấp G, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh) do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thị xã H) và toàn bộ tài sản trên phần đất được chia, có tứ cận như sau:

+ H: giáp đường T dài 25.02m (gồm các đoạn 15,24m + 2,72m + 5,54m + 1,61m).

+ Hướng T3: giáp thửa 10 dài 25m.

+ Hướng N5: giáp thửa 143 dài 53,82m.

+ Hướng B1: giáp thửa 14 dài 53,06m.

Có sơ đồ kèm theo

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với quyết định của bản án này.

1.2. Ông Huỳnh Long V được quyền sử dụng các tài sản trên đất bao gồm:

- 1 căn nhà kho phía trước (g2): Kết cấu: Nền xi măng, vách xây tô + vách tole, khung sắt tiền chế, mái tole, xây dựng 1994, diện tích 96,4m^2.

- 1 căn nhà kho phía sau (g6): Kết cấu: Móng gạch, cột gạch, nền gạch men, tường xây tô sơn bê, cửa sắt kính, trần tấm thả, mái tole, xây dựng 1994, sửa chữa 2023, diện tích 33,6m^2;

- Hàng rào khung sắt + cổng rào phía trước: Kết cấu: Móng xây tô, trụ bên ngoài xây tô, bên trong đổ bê tông cốt thép, rào khung sắt, cổng khung sắt cao 2,5m, ngang 25m;

- Hàng rào lưới B40 hướng Tây và N5: Kết cấu: Móng xây tô, trụ bê tông đúc sẵn, rào lưới B40, cao 2m, ngang 25m.

+ Chân bồn nước bê tông cốt thép, khối lượng 1,17m^3;

+ 1 bồn nước inox 2000 lít, loại bồn ngang;

+ 2 giếng khoan dân dụng sâu khoảng 20m;

+ 1 cây mai nhật đường kính gốc 30cm;

+ 1 cây móng bò đường kính gốc 30cm;

+ 9 cây cao kiểng đường kính gốc 60cm;

+ 1 cây khế 15 năm tuổi;

+ 4 cây măng cụt 8 năm tuổi;

+ 3 cây mai vàng đường kính gốc 10cm;

+ 1 cây ổi khoảng 5 năm tuổi;

+ 4 gốc bông giấy đường kính gốc 10cm;

+ 1 cây mận khoảng 3 năm tuổi;

+ 1 cây me khoảng 15 năm tuổi;

+ 1 cây sầu riêng khoảng 20 năm tuổi;

+ 1 cây vú sữa khoảng 30 năm;

+ 1 cây sung đường kính gốc 60cm;

+ 1 cây phượng đường kính gốc 60cm;

+ 2 cây xoài khoảng 20 năm;

+ 1 cây mít khoảng 20 năm;

+ 1 cây bàng đường kính gốc 20cm;

+ 1 cây nguyệt quế đường kính 10cm;

2. Buộc ông Huỳnh Long V có nghĩa vụ thành toán lại cho bà Huỳnh Thị N số tiền 119.449.116 (một trăm mười chín triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn một trăm mười sáu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày có hiệu lực pháp luật.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn K, bà Huỳnh Thị N1, bà Huỳnh Thị N2, bà Huỳnh Thị N3 được miễn.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- NĐ (1);
- BĐ (1);
-NLQ (9);
- Lưu (10) 26b (ÁnTTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Toàn